

Số: 2/2/BC-QNC

V/v CBTT Nghị quyết HĐQT Công ty

Quảng Ninh, ngày 14 tháng 03 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ XÂY DỰNG QUẢNG NINH**
- Mã chứng khoán: **QNC**
- Địa chỉ trụ sở chính: KCN Cái Lân, Phường Giếng Đáy, TP Hạ Long, Quảng Ninh.
- Điện thoại: 02033 668355; Fax: 02033 668 354
- Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ:
- Nội dung thông tin công bố (*): **Nghị quyết HĐQT Công ty.**
 - Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần Xi măng và xây dựng Quảng Ninh;

Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh xin công bố toàn văn Nghị quyết HĐQT Công ty số: 09/HĐQT, ngày 14/03/2019 của Hội đồng quản trị Công ty (theo Nghị quyết đính kèm)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên (để Báo cáo);
- Lưu VP.



Tô Ngọc Hoàng

Số: 09 /NQ-HĐQT

Uông Bí, ngày 14 tháng 03 năm 2019

**NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ XÂY DỰNG QUẢNG NINH**

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh (QNC).
Trụ sở chính: Khu Hợp Thành, phường Phương Nam, TP. Uông Bí, Quảng Ninh.
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 5700100263, do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 28/03/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 23 ngày 04/07/2018.

Hôm nay, vào hồi 09 giờ 30, ngày 14/ 03/2019 tại Văn phòng Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh (QNC) (Địa chỉ: Khu Hợp Thành, Phường Nam, Uông Bí, Quảng Ninh). Hội đồng quản trị Công ty được tiến hành họp gồm các nội dung sau:

*** Thành phần dự họp:**

**** Thành viên Hội đồng quản trị Công ty gồm:**

1. Ông Đỗ Hoàng Phúc: Chủ tịch HĐQT Công ty;
2. Ông Tô Ngọc Hoàng: TV HĐQT, TGD Công ty;
3. Ông Nguyễn Xuân Quế: TV HĐQT Công ty;
4. Ông Nguyễn Đình Tâm: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty;
5. Bà Đào Thị Đàm: Phó Chủ tịch HĐQT, PTGD Công ty (vắng mặt);
6. Ông Nguyễn Trường Giang: TV. HĐQT, PTGD Công ty;
7. Ông Nguyễn Văn Kiên: TV. HĐQT, Phó TGD Công ty;
8. Ông VanDara Din: TV. HĐQT Công ty.

**** Tham dự cuộc họp còn có:**

1. Ông Trần Quang Tịnh: Trưởng BKS Công ty;
2. Ông Vũ Trọng Hiệt: P. TGD Công ty;
3. Ông Nguyễn Ngọc Anh: Kế toán trưởng Công ty;

*** Chủ tọa: Ông Đỗ Hoàng Phúc:** Chủ tịch HĐQT Công ty.

*** Thư ký: Ông Hoàng Kông:** Thư ký HĐQT Công ty.

*** Nội dung:**

1. Thông qua kết quả SXKD năm 2018; Kế hoạch SXKD năm 2019;
2. Báo cáo kết quả tài chính quý 4 và năm 2018;
3. Thông qua các nội dung và các giải pháp trong công tác quản lý, khai thác than, đá, quản lý, đầu tư dự án hạ tầng;
4. Thông qua nội dung bán cổ phần và thanh lý tài sản tại Công ty Cổ phần Thương mại Sông Sinh;
5. Thông qua Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được thu đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 251.811.090.000 đồng lên 371.800.090.000 đồng đã được kiểm toán; và báo cáo giải trình bổ sung mục đích sử dụng nguồn vốn phát hành;
6. Thông qua kế hoạch phát hành cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ Công ty;
7. Thông qua kế hoạch Tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2019;
8. Thông qua một số nội dung liên quan thuộc thẩm quyền HĐQT Công ty.

NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ báo cáo của Ban điều hành, qua các ý kiến phát biểu của các thành viên dự họp. Hội đồng quản trị và các thành viên dự họp đã biểu quyết thống nhất thông qua các nội dung sau:

Nội dung 1:

Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 gồm các chỉ tiêu chính:

1) CHỈ TIÊU SẢN LƯỢNG:

STT	NỘI DUNG	ĐVT	NĂM 2018
I	SẢN LƯỢNG SẢN XUẤT		
1	Xi măng các loại	Tấn	539,498.45
2	Clinker	Tấn	797,818.89
3	Than giao thầu VD	Tấn	104,278.82
4	Đá sản xuất xi măng	m3	683,953.54
II	SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ		
1	Xi măng các loại xuất bán NĐ	Tấn	245,359.44
2	Xi măng các loại xuất bán XK	Tấn	175,909.10
3	Xi măng các loại xuất bán GC	Tấn	125,404.26
	<i>Vicem Hải Phòng</i>	<i>Tấn</i>	<i>52,571.32</i>
	<i>Vicm Hoàng Thạch</i>	<i>Tấn</i>	<i>72,832.94</i>
4	Clinker xuất bán NĐ	Tấn	96,382.92
5	Clinker xuất bán XK	Tấn	371,069.85
6	Than giao thầu VD	Tấn	104,278.82
7	Đá sản xuất xi măng	m3	683,953.54

2) CHỈ TIÊU GIÁ TRỊ TỔNG HỢP:

TT	NỘI DUNG	ĐVT	NĂM 2018
1	2	3	4
1	Doanh thu Xi măng, clinker	đ	726,712,648,452
2	Doanh thu Than giao thầu VD	đ	102,234,716,008
3	Doanh thu hoạt động thương mại	đ	210,140,224,353
4	Doanh thu thuê đất KCN và thuê HT TS khác	đ	39,711,231,872
5	Doanh thu từ hoạt động bán hàng khác (than, DA, HT, DV...)	đ	53,007,403,139
6	Doanh thu khác	đ	49,188,223,654
7	Doanh thu HĐTC	đ	604,361,092
A	Cộng thực hiện		1,181,598,808,570
B	Kế hoạch năm 2018		950,000,000,000
	So với KH năm (%)		124.38
C	Nộp ngân sách	đ	52,030,161,124

3) BÁO CÁO KQSX KINH DOANH.

TT	NỘI DUNG	ĐVT	KẾT QUẢ	
			QUÝ 4/2018	NĂM 2018
I	Kết quả kinh doanh hợp nhất.			
1	Tổng doanh thu	Đồng	456.356.427.241	1.180.262.366.557
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Đồng	37.390.711.133	4.114.094.196
3	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	Đồng	36.076.913.751	1.108.546.439
II	Kết quả kinh doanh công ty mẹ			
1	Tổng doanh thu	Đồng	456.085.604.867	1.181.598.808.570
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Đồng	37.335.354.367	3.995.029.928
3	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	Đồng	36.077.514.373	1.058.960.316

4) CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN:

Chỉ tiêu	Mã Số	01/01/2018	31/12/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	478 706 666 333	429 140 593 560
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1 748 530 267	923 957 033
1. Tiền	111	1 748 530 267	923 957 033
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	256 321 405 306	264 762 988 635
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	233 194 115 098	241 073 374 086
2. Trả trước cho người bán	132	5 588 152 057	5 250 549 175
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	33 575 406 871	34 298 743 894
6. Phải thu ngắn hạn khác(1388)	136B	23 894 457 649	27 097 571 264
6. Phải thu ngắn hạn khác(141)	136C	9 680 949 222	7 201 172 630
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	- 16 036 268 720	- 15 859 678 520
IV. Hàng tồn kho	140	115 494 853 885	78 940 151 034
1. Hàng tồn kho	141	115 494 853 885	78 940 151 034
V. Tài sản lưu động khác	150	105 141 876 875	84 513 496 858
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	66 160 415 152	54 511 334 266
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	38 981 461 723	30 002 162 592
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	1 145 000 112 525	1 061 991 778 204

I. Các khoản phải thu dài hạn	210	859 452 098	1 052 710 522
6. Phải thu dài hạn khác	216	859 452 098	1 052 710 522
II. Tài sản cố định	220	1 075 165 775 016	982 445 029 264
1. Tài sản cố định hữu hình	221	1 073 015 782 645	979 612 139 716
- Nguyên giá	222	1 883 817 544 561	1 755 800 251 901
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	- 810 801 761 916	- 776 188 112 185
3. Tài sản cố định vô hình	227	2 149 992 371	2 832 889 548
- Nguyên giá	228	8 935 073 048	9 975 673 048
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	- 6 785 080 677	- 7 142 783 500
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	32 012 078 735	38 642 289 122
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	31 330 557 735	37 455 217 440
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	681 521 000	1 187 071 682
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	26 295 900 000	10 800 900 000
1. Đầu tư vào công ty con	251	1 424 000 000	1 424 000 000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5 570 000 000	
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	19 301 900 000	9 376 900 000
VI. Tài sản dài hạn khác	260	10 666 906 676	29 050 849 296
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10 624 968 494	29 008 911 114
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	41 938 182	41 938 182
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (207 = 100 + 200)	270	1 623 706 778 858	1 491 132 371 764
C. NỢ PHẢI TRẢ	300	1 566 064 271 790	1 432 430 904 381
I. Nợ ngắn hạn	310	1 021 008 863 333	1 009 214 685 161
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	404 125 712 417	440 243 244 755
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	171 486 613 602	133 518 537 147
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	25 541 350 996	43 100 077 880
4. Phải trả người lao động	314	10 089 074 870	8 528 618 000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		12 290 684 988
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	36 681 439 448	3 859 026 818
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	55 136 329 822	61 616 366 382
9. Phải trả ngắn hạn khác (338)	319B	55 136 329 822	61 616 366 382
9. Phải trả ngắn hạn khác(3382)	319B2	378 201 491	826 565 014
9. Phải trả ngắn hạn khác(3383)	319B3	748 041 564	1 632 494 235

9. Phải trả ngắn hạn khác(3386)	319B6	41 317 262	240 975 254
9. Phải trả ngắn hạn khác(3388)	319B7	53 968 769 505	58 916 331 879
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	318 268 896 348	306 378 683 361
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320C	318 268 896 348	306 378 683 361
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	- 320 554 170	- 320 554 170
II. Nợ dài hạn	330	545 055 408 457	423 216 219 220
7. Phải trả dài hạn khác	337		90 000 000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	545 055 408 457	423 126 219 220
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	57 642 507 068	58 701 467 384
I. Vốn chủ sở hữu	410	57 642 507 068	58 701 467 384
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	371 811 090 000	371 811 090 000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411A	371 811 090 000	371 811 090 000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	2 753 390 480	2 753 390 480
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415	- 1 894 390 964	- 1 894 390 964
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	10 113 270 078	10 113 270 078
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	- 325 140 852 526	- 324 081 892 210
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421A	- 62 642 720 625	- 325 140 852 526
- LNST chưa phân phối kỳ này	421B	- 262 498 131 901	1 058 960 316
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	1 623 706 778 858	1 491 132 371 764

Kết quả biểu quyết:

Tán thành: 7/7 thành viên

Không tán thành: 0 thành viên

Ý kiến khác: không

Nội dung thứ 2:

Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019, gồm các nội dung:

1) Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2019:

TT	NỘI DUNG	ĐVT	KẾ HOẠCH
I.	Các chỉ tiêu SL XSKD năm 2019		
1	Nung Clinker	Tấn	872,040
2	Nghiền xi măng các loại	Tấn	875,900
3	Tiêu thụ sản phẩm Clinker + Xi măng các loại	Tấn	1,143,900
*	Tiêu thụ xi măng các loại		735,900
	<i>Tiêu thụ xi măng PC40 xuất khẩu</i>	<i>Tấn</i>	<i>30,000</i>
	<i>Tiêu thụ xi măng PCB40 xuất khẩu</i>	<i>Tấn</i>	<i>258,000</i>
	<i>Tiêu thụ xi măng PCB30 xuất khẩu</i>	<i>Tấn</i>	<i>108,000</i>
	<i>Tiêu thụ xi măng PCB40 nội địa</i>	<i>Tấn</i>	<i>164,500</i>

	Tiêu thụ xi măng PCB30 nội địa	Tấn	175,400
*	Tiêu thụ Clinker	Tấn	268,000
*	Gia công xi măng rời	Tấn	140,000
	Tiêu thụ xi măng PCB30 Gia công	Tấn	98,750
	Tiêu thụ xi măng PCB40 Gia công	Tấn	41,250
4	Sản xuất đá các loại cấp vào Nhà máy	Tấn	1,268,557
5	Khai thác than (thầu khai thác Vàng Danh)	Tấn	205,000
II.	Các chỉ tiêu giá trị năm 2019		
A	Tổng doanh thu toàn công ty		1,511,437,000,000
1	Doanh thu hoạt động SX XM và Clinker	đ	906,187,000,000
1.1	Doanh thu bán Clinker	đ	192,424,000,000
1.2	Doanh thu bán xi măng các loại	đ	613,250,000,000
+	Xi măng PC40	đ	25,732,000,000
+	Xi măng PCB40 xuất khẩu	đ	200,185,000,000
+	Xi măng PCB30 xuất khẩu	đ	76,925,000,000
+	Xi măng PCB40 nội địa	đ	157,172,000,000
+	Xi măng PCB30 nội địa	đ	153,236,000,000
1.3	Doanh thu gia công xi măng	đ	100,513,000,000
-	Xi măng PCB30 Gia công	đ	70,607,000,000
-	Xi măng PCB40 Gia công	đ	29,906,000,000
2	Doanh thu hoạt động thương mại	đ	350,000,000,000
-	Mua bán xi măng và Clinker	đ	200,000,000,000
-	Mua bán nguyên vật liệu, dịch vụ các loại loại	đ	150,000,000,000
3	Doanh thu thầu khai thác than	đ	215,250,000,000
4	Doanh thu Kinh doanh hạ tầng	đ	10,000,000,000
5	Doanh thu hoạt động khác	đ	30,000,000,000
B	Nộp ngân sách	đ	50,000,000,000
C	Lương bình quân	đ	8,000,000
D	Lợi nhuận SXKD trước thuế	đ	2,650,000,000

2) Các kế hoạch/nhiệm vụ trọng tâm khác:

- + Tiếp tục tập trung đổi mới mô hình quản trị Công ty;
- + Triển khai phát hành cổ phiếu nâng vốn điều lệ
- + Tập trung mọi nguồn lực, triển khai nhiều giải pháp quyết liệt, đồng bộ đối với hoạt động sản xuất Xi măng, tăng sản lượng, ổn định chất lượng, tiết giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm.
- + Rà soát bố trí sắp xếp lại bộ máy tổ chức cho phù hợp với yêu cầu SXKD.
- + Đẩy mạnh công tác tiêu thụ, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm nội địa, chú trọng thị trường xi măng xuất khẩu, nâng tỷ lệ tiêu thụ xi măng đạt trên 80%.
- + Giải quyết dứt điểm các tồn tại, vướng mắc của các dự án hạ tầng (tại Cẩm Phả, Hạ Long và khu vực Uông Bí).

+ Tập trung triển khai công tác đầu tư, quản lý, vận hành, khai thác đối với Khu công nghiệp Cái Lân (bao gồm giai đoạn 1 và giai đoạn mở rộng) đảm bảo tiến độ, hiệu quả theo Quyết định của UBND tỉnh.

+ Đối với lĩnh vực sản xuất khai thác đá: Hoàn thiện thủ tục pháp lý, tập trung sản xuất khai thác đá cung ứng cho sản xuất xi măng, bên cạnh tuân thủ tốt các quy định bảo vệ môi trường và an toàn trong sản xuất.

Kết quả biểu quyết:

Tán thành: 7/7 thành viên

Không tán thành: 0 thành viên

Ý kiến khác: không

Nội dung 3:

Thông qua Kế hoạch Tổ chức Đại cổ đông thường niên năm 2019:

* Thời gian dự kiến tổ chức Đại hội: Trong tháng 05/2019.

* Địa điểm dự kiến tại: Khách sạn Hạ Long Palace (Địa chỉ: Số 1 Lô 20, Khu Du lịch Đông Hùng Thắng, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh)

* Ngày chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội (ngày đăng ký cuối cùng): Thực hiện trong tháng 04/2019.

* Nội dung Đại hội:

- Báo cáo hoạt động của HĐQT và BKS Công ty năm 2018, phương hướng nhiệm vụ năm 2019.

- Báo cáo kết quả SXKD năm 2018 và kế hoạch SXKD năm 2019.

- Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018;

- Thông qua báo cáo đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán 2019.

- Thông qua việc kiện toàn (cơ cấu lại số lượng và bầu lại thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh nhiệm kỳ 2015 – 2020.

- Thông qua triển khai các phương án, giải pháp giải quyết, xử lý các tồn tại liên quan đến công tác quản lý, đầu tư, khai thác than, đá, dự án hạ tầng;

- Thông qua các nội dung về việc thoái vốn và bán thanh lý tại Công ty Cổ phần Thương mại Sông Sinh.

- Thông qua Phương án phát hành Cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ Công ty.

- Thông qua các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Kết quả biểu quyết:

Tán thành: 7/7 thành viên

Không tán thành: 0 thành viên

Ý kiến khác: không

Nội dung 4:

Thông qua Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được thu đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 251.811.090.000 đồng lên 371.800.090.000 đồng đã được kiểm toán (Báo cáo số 290618.001/BCTC.QN ngày 29/06/2018).

Trong đó thống nhất thông qua nội dung: Bổ sung mục đích sử dụng vốn so với với Phương án phát hành đã được Đại hội cổ đông thông qua gồm:

1. Ngân hàng Thương mại cổ phần An Bình - Chi nhánh Quảng Ninh: Số tiền: 5.000.000.000 đồng.

2. Trả tiền vay vốn cho Công ty Cổ phần Núi Rùa: Số tiền trả: 11.800.000.000 đồng.

Thống nhất giao Ban điều hành hoàn thiện các thủ tục liên quan đến đợt phát hành năm 2017, báo cáo UBCKNN và trình Đại hội đồng cổ đông theo quy định.

Kết quả biểu quyết:

Tán thành: 7/7 thành viên

Không tán thành: 0 thành viên

Ý kiến khác: không

Nội dung 5:

Thống nhất thông qua báo cáo giải trình liên quan đến đợt phát hành (120 tỷ đồng) tháng 12/2017 theo nội dung văn bản số 5904/UBCK-QLCB ngày 10/09/2018 của UBCKNN, QNC đã có các báo cáo giải trình gửi UBCKNN:

Nguyên nhân/lý do liên quan đến việc sử dụng vốn chưa phù hợp với phương án phát hành:

Thực hiện theo phương án phát hành đã được ĐHCĐ thông qua, QNC đã cố gắng bám sát thực hiện, Tuy nhiên, do việc huy động vốn không đạt được so với kỳ vọng ban đầu. Do đó, Công ty chủ động sử dụng vốn đã huy động cho phù hợp với phương án đã đề xuất. Tuy nhiên có phát sinh khoản nợ của Ngân hàng An Bình và Núi Rùa phát sinh cần phải chi trả ngay lập tức. Do đó, Công ty chủ động trả nợ theo yêu cầu của bên cho vay nhằm giảm thiểu chi phí lãi phạt, sử dụng hiệu quả đòn bẩy tài chính và sử dụng hiệu quả nguồn vốn đã huy động, tránh rủi ro bị phạt, kiện, kê biên tài sản. QNC xác định có sai theo phương án phát hành đã được đưa ra lý do là theo điều kiện khách quan và chủ quan tại thời điểm phát hành.

STT	Đối tượng	Phương án phát hành	Phương án sử dụng	Chênh lệch	Ghi chú
1	2	3	4	5=4-3	6
I	Trả ngân hàng	143.000.000.000	95.100.000.000	-47.900.000.000	
1	Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Nam Quảng Ninh	46.000.000.000	42.000.000.000	-4.000.000.000	
2	Ngân hàng Thương mại cổ phần Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Quảng Ninh	5.200.000.000	2.700.000.000	-2.500.000.000	
3	Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	8.000.000.000	0	-8.000.000.000	
4	Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội - Chi nhánh Quảng Ninh	19.800.000.000	16.000.000.000	-3.800.000.000	
5	Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh	5.000.000.000	6.000.000.000	1.000.000.000	
6	Ngân hàng Thương mại cổ phần An Bình - Chi nhánh Quảng Ninh		5.000.000.000	5.000.000.000	Bổ sung mục đích so với phương án

7	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Bãi Cháy	59.000.000.000	23.400.000.000	-35.600.000.000	
II	Trả Vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất	57.000.000.000	24.900.000.000	4.900.000.000	
1	Nguyên vật liệu chính	30.000.000.000	8.153.333.598	8.153.333.598	
+	Trả tiền đá giao thầu cho Công ty Cổ phần Núi Rùa		5.998.000.000	5.998.000.000	
+	Trả tiền mua nguyên vật liệu cho Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Hoàng Anh		2.155.333.598	2.155.333.598	
2	Vật tư sửa chữa	5.000.000.000		-5.000.000.000	
3	Nhân công	5.000.000.000		-5.000.000.000	
4	Điện năng	10.000.000.000		-10.000.000.000	
5	Các khoản chi phí khác	7.000.000.000	16.746.666.402	16.746.666.402	
+	Trả tiền cước vận chuyển cho Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Trường Thành		4.847.000.000	4.847.000.000	
+	Trả các đơn vị khác		99.666.402	99.666.402	
+	Trả tiền vay vốn cho Công ty Cổ phần Núi Rùa		11.800.000.000	11.800.000.000	Bổ sung mục đích so với phương án
	Tổng cộng	200.000.000.000	120.000.000.000	-80.000.000.000	

Thông nhất giao Ban điều hành hoàn thiện các thủ tục liên quan đến đợt phát hành năm 2017, báo cáo UBCKNN và trình Đại hội đồng cổ đông theo quy định.

Nội dung 6:

Thông qua các nội dung báo cáo và phương án, giải pháp về quản lý, khai thác than, đá, quản lý, đầu tư dự án hạ tầng cụ thể:

I. Đối với lĩnh vực quản lý, khai thác than (Công ty Cổ phần Xi nghiệp than Ưng Bí):

Hội đồng quản trị thống nhất:

1. Giao Công ty Cổ phần Xi nghiệp than Ưng Bí: Có trách nhiệm hoàn thiện các thủ tục pháp lý, liên quan đến điều chỉnh trữ lượng và điều chỉnh Giấy phép, theo quy định, trường hợp không thực hiện, đơn vị và cá nhân có liên quan hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Giao cho Ban điều hành Công ty QNC phối hợp với Công ty Cổ phần Xi nghiệp than Ưng Bí có trách nhiệm rà soát, hoàn thiện lại hồ sơ, thủ tục pháp lý, triển khai các giải pháp, phương án xử lý, giải quyết dứt các tồn tại, vướng mắc liên quan trong quá trình quản lý, khai thác, tiêu thụ than theo quy định.

II. Đối với lĩnh vực sản xuất, khai thác đá (Công ty Cổ phần Núi Rùa):

Hội đồng quản trị thống nhất giao:

1. Người đại diện quản lý vốn của QNC tại Công ty QNC làm việc và yêu cầu với Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Núi Rùa: Làm rõ số liệu tài chính và hoàn tất công tác bàn giao số liệu tài chính và các nội dung liên quan đến hoạt động

sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Núi Rùa (biên bản bàn giao giữa Giám đốc cũ cho Giám đốc mới) đảm bảo đúng quy định hiện hành, Thời gian hoàn thành trước ngày 01/05/2019, nếu sau thời gian này, không thực hiện các nội dung này, đề nghị đình chỉ công việc các cá nhân có liên quan, đồng thời thuê cơ quan kiểm toán độc lập tiến hành kiểm tra, đánh giá, làm rõ toàn bộ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và số liệu tài chính trong các năm vừa qua, nếu cá nhân nào vi phạm yêu cầu bồi thường, nếu không thực hiện đề nghị đưa ra cơ quan chức năng xem xét xử lý giải quyết.

2. Ban điều hành Công ty QNC chỉ đạo các bộ phận/ cá nhân có liên quan: Rà soát, hoàn thiện hồ sơ, thủ tục pháp lý, triển khai các giải pháp, phương án xử lý, giải quyết dứt các tồn tại, vướng mắc trong quá trình quản lý, khai thác đá theo quy định.

III. Đối với lĩnh vực quản lý, đầu tư cá dự án hạ tầng:

Hội đồng quản trị Công ty thống nhất:

1. Căn cứ tình hình và thực trạng của từng dự án bao gồm các dự án đang thực hiện, các dự án bị thu hồi, các dự án hoàn nguyên tại khu vực Cẩm Phả, Hạ Long, Uông Bí: Giao Ban điều hành:

+ Chủ động tổ chức triển khai quyết liệt các giải pháp nhằm rà soát, hoàn thiện thủ tục pháp lý và giải quyết dứt điểm các tồn tại, vướng mắc của từng dự án.

+ Nghiên cứu các phương án hợp tác đầu tư, quản lý kinh doanh, bán, chuyển nhượng dự án... nhằm thu hồi vốn cho Công ty.

2. Đối với dự án Trung tâm Thương mại Cầu Sến:

Căn cứ Nghị quyết số 99/NQ-ĐHCD ngày 29/06/2018 về việc thống nhất chuyển nhượng Dự án Khu trung tâm Thương mại Cầu Sến (Uông Bí, Quảng Ninh). Hội đồng quản trị thống nhất phê duyệt việc chuyển nhượng toàn bộ giá trị đã đầu tư dở dang và các giá trị đã tôn tạo vào thửa đất theo hiện trạng của Dự án Trung tâm Thương mại Cầu Sến, gồm các nội dung sau:

- Cơ sở pháp lý:

+ Quyết định số: 3851/QĐ-UBND ngày 27/11/2009 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu TTTM và dân cư Cầu Sến.

+ Quyết định số: 2196/QĐ-UB ngày 10/07/2003 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng – kinh doanh hạ tầng Khu TTTM và dân cư Cầu Sến.

+ Quyết định số: 2846/QĐ-UBND ngày 25/08/2003 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc giao đất cho QNC tại Dự án Khu TTTM và dân cư Cầu Sến.

+ Quyết định số: 3107/QĐ-UBND ngày 08/08/2011 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt Tổng mặt bằng quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu TTTM Cầu Sến. (Kèm theo Bản đồ quy hoạch)

- Cơ sở xác định giá trị:

+ Các chi phí đã đầu tư vào Dự án xác định đến ngày 29/06/2018.

+ Giá chuyển nhượng cả VAT là: 10.000.000.000 đồng (Phí, lệ phí liên quan đến chuyển nhượng do Bên B chịu).

+ Phương thức bán: Chỉ định đối tác tiếp nhận để chuyển giao dự án.

+ Đề xuất khi thoả thuận chuyển giao: Bên được chuyển giao sẽ chịu mọi chi phí phát sinh: thuế, phí chuyển nhượng và các chi phí khác liên quan.

+ Đối tác nhận chuyển nhượng: Công ty TNHH MTV Triệu Vương, địa chỉ trụ sở chính: Thôn Hạ Chiểu, thị trấn Minh Tân, Kinh Môn, Hải Dương, Mã số thuế: 0800345902 do Phòng Đăng ký Kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Dương cấp.

Thông nhất giao Ban điều hành tổ chức triển khai thực hiện các thủ tục chuyển nhượng dự án nói trên đảm bảo đúng trình tự, quy định hiện hành.

3. Đối với Dự án đầu tư Xây dựng kinh doanh hạ tầng Khu dân cư tự xây Phường Cẩm Bình – Cẩm Phả:

Thông nhất ủy quyền cho Tổng giám đốc Công ty trực tiếp ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Dự án đầu tư Xây dựng kinh doanh hạ tầng Khu dân cư tự xây Phường Cẩm Bình, thành phố Cẩm Phả, Quảng Ninh từ Công ty sang cho các hộ dân để làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

4. Đối với Dự án đầu tư xây dựng mở rộng cảng LamThạch:

Hội đồng quản trị thống nhất:

+ Bổ sung hạng mục âu tàu vào báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.

+ Thuê đơn vị đủ năng lực thực hiện thăm dò, khảo sát địa chất khu vực để làm tài liệu và cơ sở triển khai dự án.

+ Thuê đơn vị tư vấn là Công ty TNHH MTV tư vấn xây dựng 30-10 để bổ sung hạng mục âu tàu vào báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư xây dựng mở rộng cảng LamThạch.

Giao Ban điều hành hoàn thiện báo cáo nghiên cứu khả thi, hoàn thiện các thủ tục liên quan và triển khai thực hiện các bước tiếp theo của dự án theo quy định.

5. Đối với Dự án đầu tư Nhà máy sản xuất bao bì tại mặt bằng Nhà máy Xi măng Lam Thạch 1:

Hội đồng quản trị thống nhất: Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án: Đầu tư xây dựng Nhà Máy Bao Bì Lam Thạch tại Phường Phương Nam, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, gồm các nội dung chính:

Thông tin chung về dự án

+ Đơn vị tư vấn và hồ sơ dự án

- Đơn vị tư vấn

Tên đầy đủ: Công ty cổ phần Tư vấn Kỹ thuật và Thương mại MTECH

Tên viết tắt: MTECH.,JSC

Đăng ký KD: Số 0105330414 do Sở KHĐT Tp. Hà Nội cấp ngày 02/10/2015 (thay đổi lần 3).

Mã số thuế: 0105330414

Trụ sở chính: Số 8, ngõ 151, phố Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

VP giao dịch: Tầng 2 Tòa nhà 56 phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân – Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 043.6231691.

Email: infor@ mtechjsc.com

Hồ sơ của dự án:

Tên dự án: Nhà máy bao bì Lam Thạch do CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ

XÂY DỰNG QUẢNG NINH làm chủ đầu tư bao gồm:

- Báo cáo tiền khả thi.
- Bản vẽ sơ đồ bố trí nhà máy bao bì Lam Thạch.

2. Dữ liệu cơ bản của dự án

2.1. Vị trí dự án: Khu Hợp Thành, phường Phương Nam, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

2.2 Số liệu cơ bản của dự án

+ Cấp công trình, nhóm dự án

- Nhà máy bao bì Lam Thạch là loại công trình cấp II, thuộc dự án nhóm B.

+ Phần xây dựng

- Các chỉ tiêu xây dựng

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Khối lượng
	Tổng diện tích mặt bằng nhà máy	m²	36.875
1	Diện tích xây dựng	m ²	18.286
2	Diện tích đường bãi nội bộ, vỉa hè	m ²	11.187
3	Diện tích cây xanh	m ²	7.402
4	Mật độ xây dựng nhà máy sản xuất bao bì	%	49,58%

- Các hạng mục xây dựng

TT	Hạng mục	Kích thước theo trục(m)			Diện tích (m ²)
		Dài	Rộng	Cao	
1	Nhà xưởng sản xuất chính (2 nhà)	2x150	2x60	2x10.7	2x9.000
2	Nhà bảo vệ	5.62	5.62	4.5	31.6
3	Nhà văn phòng, Nhà ăn	Sửa chữa lại toàn bộ khu nhà văn phòng và nhà ăn hiện có			
4	Xưởng sửa chữa	30	5	5.45	150
5	Nhà khí nén	15	5	5.45	75
6	Nhà vệ sinh	7.4	4	3.9	29.6

Phân thiết bị

Tên thiết bị	Số lượng	Nguyên liệu	Đơn vị	Sản phẩm hàng năm
Máy tạo sợi	02	Nhựa hạt	Kg	6.566.400
Máy dệt vải PP khổ đơn	06	Vải PP	M	4.702.920
Máy dệt tròn RX6.1	36	Búp sợi	M	48.000.000
Máy dệt tròn RX8.1 (jumbo)	10	Búp sợi	M	28.800.000
Hệ máy tráng màng	02	Vải PP.	M	72.000.000
Máy in - ống	01	Vải KP	M	28.800.000
Máy in (cho sản xuất bao dán đáy)	01	Vải PP	M	14.400.000

Tên thiết bị	Số lượng	Nguyên liệu	Đơn vị	Sản phẩm hàng năm
Máy in (cho sản xuất bao jumbo)	01	Vải PP	M	28.800.000
Máy cắt (bao jumbo)	02	Vải PP	M	28.800.000
Máy dệt đai (bao jumbo)	15	Vải PP	M	12.000.000
Máy cắt đai (Bao jumbo)	2	Vải PP	M	12.000.000
Máy chia nẹp	02	Cuộn vải	M	5.400.000
Dàn máy khâu (bao jumbo)	150	Bao Thành Phẩm	M	3.000.000
Dàn máy khâu (bao xi măng)	06	ống rời	ống	62.208.000
Máy dán đáy bao	02	Bao thành phẩm	Bao PP	20.000.000
Máy ép kiện thủy lực	02	Bao thành phẩm	Bao KP	60.000.000
Máy ép kiện thủy lực (bao jumbo)	01	Bao thành phẩm	Bao jumbo	3.000.000

Công suất

- Nhà máy sản xuất bao bì Lam Thạch công suất 60 triệu vỏ bao xi măng, 1 triệu vỏ bao jumbo và 2 triệu vỏ bao siling/năm.

Tổng số vốn đầu tư

Tổng mức đầu tư của dự án:

Đơn vị tính: 1.000 VNĐ

TT	Khoản mục	Giá trị trước thuế GTGT	Thuế GTGT	Giá trị sau thuế GTGT
	Tổng mức đầu tư	163.224.404	16.322.440	179.546.844
1	Chi phí xây dựng	78.139.246	7.813.925	85.953.170
2	Chi phí thiết bị	51.206.204	5.120.620	56.326.824
3	Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	0		0
4	Chi phí quản lý dự án	3.330.627	333.063	3.663.690
5	Chi phí tư vấn đầu tư	6.758.412	675.841	7.434.253
6	Chi phí khác	8.407.397	762.433	9.169.830
7	Lãi vay	8.990.424		8.990.424
8	Chi phí dự phòng	6.392.094		6.392.094

Các cơ sở pháp lý

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18/06/2014;
- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính Phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;
- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/03/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần xi măng và xây dựng Quảng Ninh mã số 5700100263 đăng ký lần đầu ngày 28/03/2005 thay đổi lần thứ 23 ngày 04/07/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp.

Giao Ban điều hành tiếp tục triển khai các bước tiếp theo của dự án theo trình tự quy định.

Kết quả biểu quyết:

Tán thành: 7/7 thành viên

Không tán thành: 0 thành viên

Ý kiến khác: không

Nội dung 7:

Căn cứ Nghị quyết số 99/NQ-ĐHCD ngày 29/06/2018 về việc thống nhất thông qua phương án xử lý khắc phục âm kho 40.386,63 tấn than. Hội đồng quản trị thống nhất giao Ban điều hành đôn đốc các cá nhân liên quan thực hiện theo cam kết, thời gian thực hiện hoàn thành trước 30/06/2019, trường hợp đến hết thời gian đó, các cá nhân không thực hiện, Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông thống nhất chuyển cơ quan chức năng xem xét xử lý theo quy định.

Kết quả biểu quyết:

Tán thành: 7/7 thành viên

Không tán thành: 0 thành viên

Ý kiến khác: không

Nội dung 8:

Thống nhất thông qua nội dung kiện toàn lại thành viên HĐQT, thành viên BKS Công ty nhiệm kỳ 2015 - 2020, gồm các nội dung sau:

1. Thống nhất trình Đại hội miễn nhiệm toàn bộ thành viên HĐQT, thành viên BKS Công ty đương nhiệm, để tiến bầu lại thành viên HĐQT, Thành viên BKS Công ty;

2. Thống nhất cơ cấu lại số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2015 -2020 là 5 thành viên, cơ cấu số lượng thành viên BKS nhiệm kỳ 2015 – 2020 là 3 thành viên.

3. Thống nhất giao Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc tổ chức triển khai các nội dung liên quan đến việc miễn nhiệm và bầu lại thành viên HĐQT, thành viên BKS Công ty nhiệm kỳ 2015 – 2020 và các nội dung liên quan đến kiện toàn thành viên HĐQT và thành viên BKS trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 quyết định miễn nhiệm và bầu theo đúng trình tự, quy định của pháp luật, điều lệ, quy chế hiện hành của Công ty.

Kết quả biểu quyết:

Tán thành: 7/7 thành viên

Không tán thành: 0 thành viên

Ý kiến khác: không

Nội dung 9:

Liên quan thu hồi lại hệ thống lưới điện trung thế 22kv KCN Cái Lân (là tài sản của QNC đã chuyển giao cho Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Năng lượng Hạ Long từ ngày 25/10/2016.

Hội đồng quản trị thống nhất: Giao cho Công ty CLI có trách nhiệm thu hồi lại hệ thống lưới điện trung thế 22kv KCN Cái Lân đảm bảo đúng trình tự, quy định của Công ty và pháp luật.

Kết quả biểu quyết:

Tán thành: 7/7 thành viên

Không tán thành: 0 thành viên

Ý kiến khác: không

Nội dung 10:

Liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Thương mại Sông Sinh:

Hội đồng quản trị thống nhất:

1. Chuyển nhượng (bán) toàn bộ vốn góp và bán thanh lý toàn bộ tài sản hiện có của Công ty QNC tại Công ty Cổ phần Thương mại Sông Sinh.

2. Thống nhất Giao Ban điều hành:

+ Chỉ đạo bộ phận nghiệp vụ chuyên môn thực hiện việc định giá tài sản, lập phương án chuyển nhượng vốn và thanh lý tài sản, lựa chọn đối tác nhận chuyển nhượng và tổ chức chuyển nhượng cổ phần và thanh lý tài sản theo quy định

3. Báo cáo kết quả chuyển nhượng chuyển cổ phần và thanh lý tài sản của QNC tại Công ty Cổ phần Thương mại Sông Sinh tại Đại hội đồng cổ đông trong phiên họp gần nhất.

Kết quả biểu quyết:

Tán thành: 7/7 thành viên

Không tán thành: 0 thành viên

Ý kiến khác: không

Hội đồng quản trị Công ty và các thành viên dự họp đã nhất trí thông qua các nội dung của nghị quyết nêu trên và cùng ký tên dưới đây./.

CÁC THÀNH VIÊN DỰ HỌP

..... Tô Ngọc Hoàng
..... Nguyễn Đình Tâm
..... Tô Ngọc Hoàng (UQ của Mr Nguyễn Xuân Quế)
..... Nguyễn Trường Giang
..... Nguyễn Văn Kiên
..... Mr. Vandara Din
..... Nguyễn Ngọc Anh



Đỗ Hoàng Phúc

THƯ KÝ CUỘC HỌP

Hoàng Kông